

Từ “khai dân trí” của Phan Châu Trinh nghĩ đến việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân

THS. TRẦN MAI ƯỚC

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Dưới góc độ giáo dục, có thể nói rằng phong trào Duy Tân là một cuộc cách mạng về giáo dục ở nước ta đầu thế kỷ XX theo hướng khoa học và hiện đại. Chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh (1872 - 1926) - người đứng đầu phong trào Duy tân, đã nêu ra ba nội dung cơ bản của phong trào là: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Tư tưởng về phát triển giáo dục, “khai dân trí” thông qua con đường thực dạy, thực học, thực nghiệp của Phan Châu Trinh cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa lớn đối với vấn đề dân trí, nhân lực, nhân tài, về vai trò của giáo dục đối với nước ta hiện nay.

Từ khoá: Phong trào Duy Tân, cách mạng về giáo dục, Phan Châu Trinh, phát triển giáo dục, dân trí, nhân lực, nhân tài.

1. Đặt vấn đề

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, lịch sử VN đã chuyển sang một giai đoạn mới. Tương ứng với điều kiện hoàn cảnh mới, nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc cũng mang tính chất khác trước. Cốt nghĩa thực tiễn, một bộ phận nhà Nho tiến bộ, trong đó có Phan Châu Trinh đã “khai phá” những phương pháp khả dĩ cứu nước, cứu dân theo những khuynh hướng khác nhau. Một trong những khuynh hướng nổi bật trong giai đoạn này đó là các nhà trí thức khởi xướng phong trào Duy tân. Phong trào này nổi lên như một cuộc cách mạng tân văn hóa. Cuộc vận động cách mạng văn hóa này đã tác động đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội của nước ta lúc bấy giờ. Và đáng chú ý nhất trong cuộc vận động cách mạng văn hóa

này là những đóng góp của phong trào Duy tân về giáo dục. Là người đứng đầu phong trào Duy tân, Phan Châu Trinh đã nêu ra ba nội dung cơ bản của phong trào là: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Nói đến phong trào Duy tân, trước hết là nói đến dân trí, nói đến tư tưởng phát triển giáo dục của chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh. Tư tưởng về phát triển giáo dục “khai dân trí” thông qua con đường thực dạy, thực học, thực nghiệp của phong trào Duy tân mà Cụ Phan là người khởi xướng cho đến nay ngấm lại, vẫn còn nguyên giá trị.

2. Nội dung tư tưởng “khai dân trí” của Phan Châu Trinh

2.1. “Khai dân trí” – Một trong những tư tưởng nổi bật của chí sĩ yêu nước nhiệt thành Phan Châu Trinh

Phan Châu Trinh (1872 - 1926) tên chữ là Từ Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã. Là một nhà Nho học đích thực, nhưng có xu hướng cải cách. Sinh thời, Phan Châu Trinh rất coi trọng vai trò của giáo dục trong sự canh tân đất nước. Là người đứng đầu phong trào Duy tân, Phan Châu Trinh đã xác định rất rõ mục đích của phong trào là dùng con đường giáo dục - bằng cử học sinh đi du học ở nước ngoài hoặc mở các trường học, lớp học trong nước trên các địa bàn dân cư, góp phần “hóa quốc cường dân” giành lại độc lập, tự chủ, canh tân xã hội. Giai đoạn này, các chí sĩ của phong trào Duy tân nói riêng, trong đó có Phan Châu Trinh đã thống nhất quan niệm rằng nước Nam ta lúc này, bị lâm vào cảnh tối tăm, nhục nhã, là chỉ tại bởi chế độ quân chủ, mà nền móng của nó là tư tưởng



phong kiến đã thấm sâu vào đầu óc người dân hàng ngàn năm. Thời điểm lịch sử mới của nhân loại đã tới từ lâu. Các nước Âu, Mỹ, Nhật Bản đã tân tiến, cường thịnh đủ sức đè bẹp nhiều nước. Phải duy tân xã hội theo hướng Tây Âu, Nhật Bản đã làm. Đó là việc cấp bách của nền giáo dục. Nên phải cấp bách thay thế nền giáo dục Nho giáo bằng một nền giáo dục mới về hình thức và về nội dung giáo dục. Từ quan niệm ấy, Phan Châu Trinh chủ trương tiến hành cuộc cách mạng về giáo dục cho học sinh và dân chúng.

“Khai dân trí” của Phan Châu Trinh là: một mặt, chống lối học tầm chương trích cú cũng như khoa cử Nho giáo, nay mạnh truyền bá quốc ngữ, mở trường dạy học những kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa và qua văn thơ báo chí, tuyên truyền... phổ biến trong đại chúng tư tưởng tư sản dân chủ. Muốn khai thông dân trí, giành độc lập cho dân tộc, ông chủ trương cải cách bằng việc mở các trường học, đem thực tài mà giảng dạy, dùng các hình thức thơ ca, sách vở, báo chí diễn thuyết

để mở mang trí khôn và thức tỉnh lòng người.

Về mặt nhân sinh, Phan Châu Trinh cho rằng hạnh phúc của con người là sự thắng được người khác, thống khổ nhất là thua người khác, do đó phải có tư tưởng cạnh tranh. Đối với những người ra đảm đương việc nước thì phải chịu khổ và liều mạng. Ông lên án gắt gao những người xướng nghĩa tôn quân và không biết đến nghĩa ái quốc. Về mặt xã hội, ông nghiêm khắc chỉ trích chủ nghĩa gia đình và những phong tục cổ hủ. Ông cho rằng chủ nghĩa gia đình là cái động lực ngăn trở sự tiến hóa, bao nhiêu thói hư tật xấu là do trong gia đình mà ra, vì thế muốn chấn chỉnh xã hội thì trước hết phải phá bỏ mọi sự ràng buộc con người bởi những quyền uy của gia trưởng. Đường lối ấy đượm mùi của chủ nghĩa cá nhân tư sản, nhưng đồng thời cũng xuất phát từ quan điểm “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của học thuyết Nho giáo.

Với nền Nho học cuối mùa, Phan Châu Trinh đã kiệt liệt lên án, xem đó là nền giáo dục chỉ biết dạy cho con người lấy sự học làm cứu

cánh, để “vinh thân phì da” chạy theo lợi danh, quên đi cái nhục mất nước, bàng quan với việc “nhân tâm thế đạo”. Khác với những nhà cách mạng khác, ông Phan Châu Trinh đã nhận thức được nguyên nhân căn bản tại sao VN bị thực dân xâm lược. Đó là do dân tộc chúng ta đã tụt hậu về mặt tri thức so với các dân tộc khác hàng thế kỷ, hay nói cách khác, VN đã đi sau các dân tộc phương Tây khác một thời đại: Khi VN còn ở nền kinh tế nông nghiệp thì các nước phương Tây đã làm kinh tế công nghiệp và đang tiến nhanh lên kinh tế tri thức.

Phan Châu Trinh nhận ra rằng công cuộc toàn cầu hóa lần thứ nhất đang làm rung chuyển dữ dội thế giới, thế nhưng người dân VN vẫn ở trong ốc đảo và hoàn toàn mù thông tin về thế giới xung quanh, chúng ta thua là điều tất yếu. Muốn cứu dân tộc, không còn con đường nào khác là phải đuổi kịp về mặt tri thức đối với các dân tộc khác, đưa dân tộc lên ngang tầm thời đại với các dân tộc khác. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể cùng sinh tồn và cạnh tranh với họ. Phan Châu Trinh đã

dân trí” thực sự làm cho dân tộc thay đổi tư duy cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp hơn với sự phát triển của thời đại [13, 53]. Những việc làm trên đã khiến cho xã hội VN mang một khuôn mặt mới, một dòng suy nghĩ mới. Ở đâu người ta cũng nghe nói đến tân thư, tân học, hội nông, hội thương, cắt tóc, âu trang... và đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục đã có những bước chuyển biến rõ rệt, đầy tích cực với một sinh khí mới. Có thể nói rằng, những vấn đề mà “Khai dân trí” nêu ra và cơ bản đã giải quyết có ý nghĩa thời sự đến tận ngày hôm nay. Trước hết, nó thể hiện ở mục đích của nền giáo dục là phải tạo nên những con người quốc dân mạnh mẽ, biết tự chủ, tự lập và tự cường. Thứ hai, nó thể hiện ở phương thức giáo dục, đó chính là khơi gợi khả năng tư duy của người dạy và người học, tạo sự chủ động tiếp thu khác hẳn với truyền thống giáo dục thụ động của chúng ta. Ngày nay, chúng ta không chỉ đơn thuần đánh giá trình

độ dân trí qua phổ cập giáo dục hay thậm chí số lượng những người có học vị, học hàm...mà là ở chất lượng nguồn nhân lực. Xu thế toàn cầu hóa hiện nay không chỉ dừng lại ở cấp độ quốc gia như giai đoạn đầu thế kỷ XX, mà sự xâm nhập của toàn cầu hóa đã sâu đến từng cá nhân. Vì vậy, mục đích và mẫu người đào tạo của một nền giáo dục hiện đại là xây dựng những con người có nhân cách hài hòa và toàn diện, có khả năng tự chủ và làm việc độc lập, đồng thời cũng biết cộng tác với những người khác trong môi trường mới, có như vậy mới đáp ứng điều kiện hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay.

Có thể nói, cả cuộc đời của Phan Châu Trinh là một chuỗi dài lo “Duy tân” cho đất nước. Ông là người có niềm tin sâu sắc vào tri thức của con người. Ông chú trọng đến việc giáo dục sâu rộng cho mọi người, làm cho xã hội thành một xã hội học tập, với tư tưởng cơ bản là thực học, thực nghiệp để phát triển đất nước.

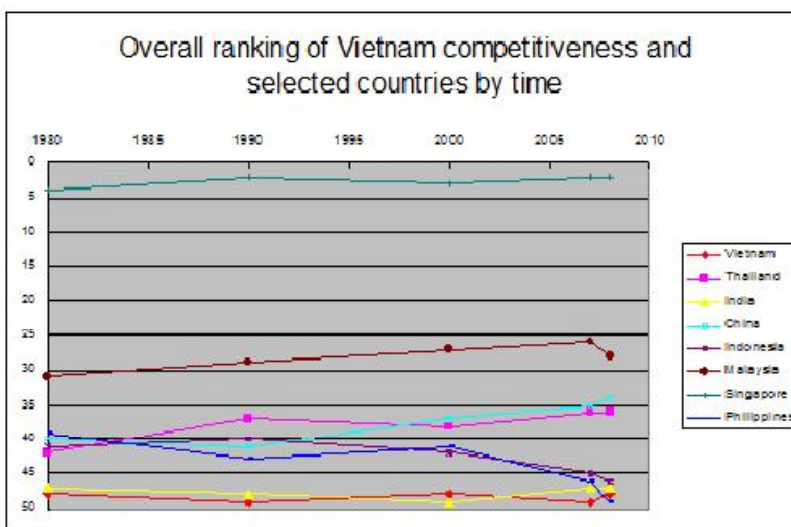
3. Từ “Khai dân trí” nghĩ đến việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân

3.1. Tính tất yếu khách quan của việc đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục VN trong bối cảnh hiện nay

Có thể nói rằng, trong giai đoạn mới của sự nghiệp phát triển giáo dục, với bối cảnh quốc tế chứa nhiều thời cơ và thách thức, trước những yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế - xã hội và xu thế đổi mới hội nhập thì việc đổi mới giáo dục là một cuộc cách mạng sâu sắc, nó gắn liền với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, nhằm làm cho đất nước phát triển nhanh hơn, vững bền hơn, có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ hơn. Trong bối cảnh đó, giáo dục phải đáp ứng những tiêu chuẩn do xã hội đặt ra và do những nhu cầu đổi mới tự thân của giáo dục.

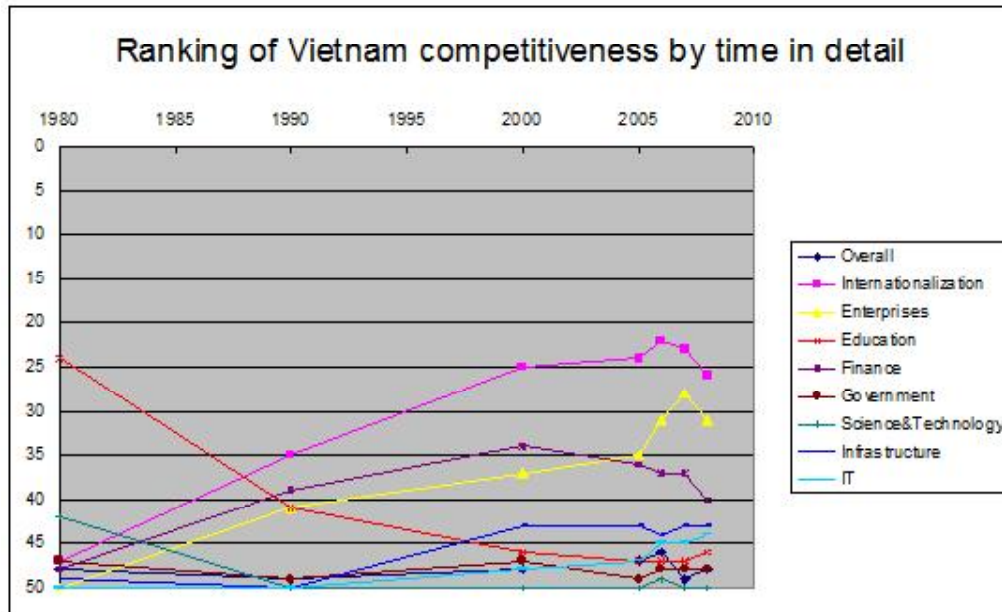
Hội nhập toàn cầu sẽ tạo ra nhiều cơ hội to lớn cho đất nước phát triển, nhưng cũng đồng thời

Hình 1: Xếp hạng tổng thể của VN cạnh tranh và các quốc gia được lựa chọn theo thời gian



Nguồn: Phạm Quốc Trung (2010), Đầu tư vào giáo dục để nâng cao năng lực cạnh tranh VN, <http://saga.vn/view.aspx?id=19641>

Hình 2: Xếp hạng khả năng cạnh tranh VN theo thời gian cụ thể



Nguồn: Phạm Quốc Trung (2010), Đầu tư vào giáo dục để nâng cao năng lực cạnh tranh VN, <http://saga.vn/view.aspx?id=19641>

là thách thức lớn. Thời gian qua, VN tuy đã bước sang nhóm thu nhập trung bình thấp nhưng trình độ kinh tế vẫn lạc hậu, tăng trưởng chưa bền vững, phân tầng xã hội và chênh lệch vùng miền chưa thu hẹp, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế kéo theo nguy cơ tụt hậu xa hơn về giáo dục. Sự tụt hậu của giáo dục VN là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chậm phát triển về kinh tế cũng như các mặt khác trong xã hội.

Hình 2 so sánh thứ hạng của các yếu tố trong Năng lực cạnh tranh của VN từ 1980 đến 2010. Các yếu tố chính này gồm có: Hợp tác quốc tế (Internationalization), Doanh nghiệp (Enterprises), Giáo dục (Education), Tài chính (Finance), Chính phủ (Government), Khoa học kỹ thuật (Science & Technology), Hạ tầng (Infrastructure) và Công nghệ thông tin (IT). Dựa vào biểu đồ này, ta nhận thấy, năng lực cạnh tranh chung của VN không thay đổi từ 1980 đến 2010 không

phải do các yếu tố trên không thay đổi, mà bởi có những yếu tố phát triển đi lên, nhưng đồng thời cũng có những yếu tố tụt hậu đi xuống, khiến cho chỉ số chung không thể tăng như mong muốn. Nhìn vào hình, dễ dàng thấy giáo dục là một trong những yếu tố đã kéo năng lực cạnh tranh của VN tụt lại từ thứ hạng 24 năm 1980 đã tụt xuống thứ hạng 46 năm 2008.

Theo Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), chất lượng nguồn nhân lực của VN xếp thứ 53 trong số 59 quốc gia được khảo sát. Báo cáo về phát triển con người của Liên Hiệp Quốc (UNDP) đánh giá: VN tụt hậu so với Trung Quốc 10 năm, Thái Lan 15 năm, Malaysia 20 năm, Hàn Quốc 25 năm, Singapore 35 năm, Nhật Bản 40 năm. Nếu tiếp tục tốc độ phát triển như hiện nay (GDP tăng 8% - 8,6% mỗi năm và GDP/người cứ 10 năm tăng gấp đôi) thì đến năm 2020, VN vẫn đi sau Thái Lan 15 năm và GDP/người vẫn thấp hơn nhiều

nước trong ASEAN [15]. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2006 cũng đã chỉ rõ: Giáo dục VN đang bị tụt hậu so với các nước khác trong khu vực, chỉ có 2% dân số được học trong thời gian trên 13 năm. VN xếp hàng chót trong khu vực châu Á nếu xét trong độ tuổi từ 20 đến 24, chỉ có 10% học lên tới đại học (so với Trung Quốc 15%, Thái Lan 41%, Hàn Quốc 89%). Tỷ lệ 167 sinh viên/1 vạn dân là rất thấp so với khu vực và các nước phát triển [17].

Để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, kém phát triển thì con người là yếu tố quyết định, trong đó vai trò của giáo dục đóng vai trò quan trọng. Muốn vậy, cần xây dựng một nền giáo dục trung thực, lành mạnh và hiện đại, đủ sức tạo ra chất lượng và hiệu quả thật sự trong sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần xây dựng văn hóa và con người VN trong bối cảnh hội nhập toàn cầu



như hiện nay. Tuy nhiên, cho đến nay nền giáo dục nước ta vẫn trong tình trạng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chưa chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Còn tồn tại "xu hướng thương mại hóa" [3, 168] trong giáo dục.

Chất lượng giáo dục còn thấp và không đồng đều giữa các vùng miền. Số liệu của Tổng điều tra dân số năm 2009 cho thấy tỷ lệ bỏ học ở độ tuổi đi học (5-18) ở các tỉnh phía Nam cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ này ở các tỉnh phía Bắc. Tỷ lệ bỏ học thấp nhất ở các tỉnh phía Bắc bao gồm Hà Nội (7,8%), Thái Bình (8,1%), Hải Dương (8,9%). Tỷ lệ bỏ học cao nhất là ở các tỉnh phía Nam bao gồm Bình Dương (30,8%), Bạc Liêu (26,2%), An Giang (25,9%) và Sóc Trăng (25,8%). Đồng thời, khu vực đồng bằng sông Cửu Long luôn có tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông và tỷ lệ đạt các trình độ sơ cấp, trung cấp nghề, và cao đẳng trở lên ở mức thấp nhất [16].

Mức đầu tư cho giáo dục và đào tạo tính theo đầu người còn thấp, một trong những biểu hiện cụ thể đó chính là mức đầu tư cho GD-ĐT tính theo đầu người của VN

chỉ bằng 1/8 của Thái Lan và chỉ bằng 1/20 mức trung bình của các nước phát triển [17]. Chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, thiếu cập nhật thêm những thông tin, kiến thức mới, chậm hiện đại hóa để đáp ứng được những nhu cầu ngày càng cao của xã hội, của thực tiễn đặt ra.

Ngoài ra, việc đổi mới phương pháp dạy và học đến nay vẫn chưa tạo bước đột phá về chất, tình trạng dạy theo kiểu truyền thống, thụ động, một chiều vẫn còn phổ biến, ít có điều kiện để thực hành, chưa có thống nhất về phương pháp và tài liệu phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học, một bộ phận nhà giáo trình độ ngoại ngữ, tin học còn hạn chế, việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy và học chưa được phổ biến rộng rãi. Đánh giá điều này, văn kiện Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: "Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng đào tạo, giữa dạy chữ và dạy người. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học lạc hậu, đổi mới chậm; cơ cấu giáo dục không hợp lý giữa các lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; chất lượng giáo dục toàn

diện giảm sút, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quản lý nhà nước về giáo dục còn bất cập. Xu hướng thương mại hóa và sa sút đạo đức trong giáo dục khắc phục còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc của xã hội" [3, 167 - 168].

Trong điều kiện hiện nay, giáo dục ở nước ta đã bắt đầu thực hiện các bước lộ trình hội nhập với thế giới. Vì vậy, việc chuyển từ mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình phát triển mới, năng động hơn, chất lượng và hiệu quả hơn là một yêu cầu khách quan

3.2. Những giải pháp cơ bản nhằm đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục VN

Xuất phát từ nhận thức: Yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong bối cảnh thế giới hội nhập và phát triển, có nhiều cơ hội nhưng cũng lắm thách thức, bắt buộc nền giáo dục nước ta phải được đổi mới toàn diện và căn bản. Đặc biệt từ yêu cầu đổi mới tư duy trong quản lý giáo dục mà Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã có những chỉ thị, nghị quyết và các quyết định quan trọng về giáo dục. Để



làm được điều này, theo chúng tôi thì cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, kết hợp tăng cường công tác bồi dưỡng, phát hiện, giáo dục và đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục với việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách trong các khâu tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ được hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc ổn định, thu hút và phát triển đội ngũ nhà giáo, nhằm đảm bảo tốt yêu cầu Chỉ thị 40-CT/TW của Trung ương về xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng công cuộc CNH, HĐH thời hội nhập, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020 theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Thứ hai, kết hợp tăng cường công tác phát hiện, bồi dưỡng, giáo dục và đào tạo cán bộ quản lý giáo dục với việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách trong các khâu tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ được hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc ổn định, thu hút và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục. Các cuộc nghiên cứu khoa

học quản lý giáo dục mới đây đã cho thấy chính chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đóng vai trò quyết định tới hiệu quả của đổi mới giáo dục và có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển cộng đồng; chất lượng quản lý quyết định tới chất lượng đào tạo trong các nhà trường.

Thứ ba, trong xu thế hội nhập và mở cửa như hiện nay thì cần phải tiến hành đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý giáo dục. Phát triển môi trường pháp lý về giáo dục hoàn chỉnh theo hướng xây dựng và phát triển một nền giáo dục hiện đại, có tính mở, phù hợp với khuynh hướng và xu thế vận động của các nước trong khu vực và trên thế giới. Nên thay đổi quan điểm về quy trình giáo dục, luôn có một chiến lược linh hoạt và đổi mới để theo kịp một nền kinh tế và một quốc gia đang trên đà phát triển mạnh mẽ như VN, góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát mà Đại hội XI đề ra đó là: Phân đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống

vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của VN trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau [3, 103].

Thứ tư, nên có chính sách cụ thể khuyến khích tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục theo hướng song phương, đa phương, đa dạng hóa, đẩy mạnh liên kết đào tạo, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, thu hút và phát huy sự đóng góp của các chuyên gia nước ngoài và người VN ở nước ngoài với hướng tiên quyết là cần xác định rõ lại mục tiêu hợp tác quốc tế về giáo dục và coi đó như một tiêu chí, thước đo về chất lượng, thương hiệu của cơ sở đào tạo. Theo tinh thần đó, giáo dục phải gắn chặt giảng dạy với nghiên cứu khoa học và tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế, trao đổi, giao lưu học thuật. Chính vì vậy, đi đôi với việc đổi mới phương pháp dạy và học, cần phát huy tối đa nguồn lực cho công tác hợp tác quốc tế về giáo dục theo hướng tạo ra bước chuyển

minh lớn để phát triển giáo dục, từng bước chuyển sang mô hình giáo dục mở, với ưu tiên hàng đầu trong đào tạo nhân lực, nhân tài và nâng cao chất lượng, xây dựng nền giáo dục hiện đại, tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

Thứ năm, đổi mới việc tuyển sinh theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội, của nền kinh tế, có tính đến sự phát triển của xã hội và của nền kinh tế trong tương lai trung và dài hạn.

Có thể nói rằng trong giai đoạn mới của sự nghiệp phát triển giáo dục, với bối cảnh quốc tế chứa nhiều thời cơ và thách thức, trước những yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế - xã hội, cùng với quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Việc chúng ta chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với cam kết mở cửa thị trường giáo dục đại học đã tạo áp lực trực tiếp buộc chúng ta phải đổi mới tư duy giáo dục – đào tạo. Một khi nguồn nhân lực đã được khẳng định là chia khóa thắng lợi trong cạnh tranh kinh tế thì hậu quả của khủng hoảng, tụt hậu trong giáo dục – đào tạo mà trực tiếp là đào tạo đại học đối với phát triển kinh tế là vô cùng nặng nề. Chính vì vậy, chủ trương hướng toàn bộ nền đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp cho mục tiêu đáp ứng nhu cầu của xã hội mà trước hết là nhu cầu của doanh nghiệp, đối tượng có nhu cầu lớn nhất về nhân lực đã qua đào tạo, hay nói một cách nôm na là chuyển từ “đào tạo cái mình có” sang “đào tạo cái mà xã hội (cụ thể ở đây là doanh nghiệp) cần” và việc vận dụng các nguyên tắc của của thị trường trong đào tạo và sử dụng là cần thiết. Nó không những giải quyết nhanh chóng vấn

đề nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề [3, 130] của hiện tại mà còn trở thành một động lực to lớn thúc đẩy nước ta phát triển nhanh và bền vững.

Thứ sáu, đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để tăng cường xây dựng trường, lớp, đầu tư thêm vào cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, gắn với thực tiễn, thực hành nhiều hơn quyết tâm nâng cao chất lượng giáo dục vì sự phát triển bền vững của đất nước. Xây dựng một xã hội học tập là tạo dựng hình ảnh một xã hội có tiền đề, là cơ sở cho sự phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, góp phần thực hiện thành công và thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011 – 2015 trong Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản VN lần thứ XI

4. Kết luận

Tư tưởng về phát triển giáo dục, “khai dân trí” thông qua con đường thực dạy, thực học, thực nghiệp của Phan Châu Trinh cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa lớn đối với vấn đề dân trí, nhân lực, nhân tài, về vai trò của giáo dục của nước ta hiện nay●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo phát triển con người 2007/2008, http://hdr.undp.org/en/media/HDR_20072008_VN_Content.pdf
 Đảng Cộng sản VN (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
 Đảng Cộng sản VN (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB

Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản VN (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản VN (2011), *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh) (2003), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, Quyển 1, tập 1, NXB Đà Nẵng.

Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh) (2003), *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, tập 2, NXB Đà Nẵng.

Nguyễn Văn Dương (1995), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, NXB Đà Nẵng.

Phạm Quốc Trung (2010), *Đầu tư vào giáo dục để nâng cao năng lực cạnh tranh VN*, <http://www.saga.vn/Publics/PrintView.aspx?id=19641>

Thông tin tóm tắt giáo dục ở VN: Bằng chứng từ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, <https://docs.google.com/viewer?a=v&q=cache:xaLjq-1>

Trần Mai Ước (2005), *Những tư tưởng đổi mới về văn hóa- đạo đức của Phan Châu Trinh, trong Bước chuyển tư tưởng VN cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, PGS.TS, Trương Văn Chung-PGS.TS, Doãn Chính (Đồng chủ biên), NXB CTQG, Hà Nội.

Trần Mai Ước (2010), “Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh với xu thế hội nhập”, *Kỷ yếu HTKH Xây dựng nhà trường tiên tiến, chất lượng cao thời kỳ hội nhập*, Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM.

Trần Mai Ước (2010), “Ngày tết suy nghĩ về phương pháp giáo dục của Bác Hồ kính yêu, liên hệ ngành giáo dục - đào tạo TP.HCM”, *Tạp chí Phát triển nhân lực*, Số 5.

Trần Mai Ước (2011), “Sự tác động của tân thư Trung Quốc đối với tư tưởng Phan Châu Trinh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 10.

Võ Nguyên Giáp (2007), *Đổi mới có tính cách mạng nền giáo dục và đào tạo của nước nhà*, <http://vietbao.vn/Giao-duc/Doi-moi-co-tinh-cach-mang-nen-giao-duc-va-dao-tao-cua-nuoc-nha/40219356/202/>